

Mục lục

1 Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1
1.1 Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng	1
1.2 Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 2-1930	2
1.3 Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng qua ba Hội nghị Trung Ương VI (11-1939), VII (11-1940) và VIII (5-1941)?	2
1.4 Hoàn cảnh, nội dung chỉ thị "kháng chiến, kiến quốc" của Trung ương Đảng 25-11-1945?	3
1.5 Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946-1954?	4
1.6 Nước ta sau năm 1954, đường lối chiến lược Cách mạng Việt Nam do Đại hội III (9-1960) của Đảng đề ra?	5
1.7 Quan điểm về công nghiệp hóa – hiện đại hóa của Đảng hiện nay?	6
1.8 Nội dung cơ bản định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường do Đại hội X của Đảng (4-2006) đề ra?	7
1.9 Mục tiêu và quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	8
1.10 Chủ trương của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam?	8
1.11 Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam của Đảng	8
1.12 Quan điểm của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội?	9
1.13 Chủ trương chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng	10
2 Vài lời không thể viết ra!	10

1 Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1 Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng

- Ngày 5-6-1911, trước cảnh nước mất nhà tan, các phong trào yêu nước thất bại, Nguyễn Ái Quốc đã rời tổ quốc sang phương Tây – nơi mà Người cho rằng có tư tưởng tự do, bình đẳng, khoa học-kỹ thuật phát triển, học tập họ rồi về giúp đồng bào mình cởi bỏ xiềng xích nô lệ. Qua cuộc sống ở hầu hết các Châu lục, nghiên cứu các cuộc Cách mạng điển hình trên thế giới, như Cách mạng tư sản Pháp 1789, Cách mạng tư sản Mỹ 1776... Đặc biệt là hướng đến tìm hiểu Cách mạng Tháng Mười Nga. Tháng 7-1920, Lãnh tụ đọc bản sơ thảo lần thứ nhất "Luận cương những vấn đề về dân tộc và thuộc địa" của Lenin. Người đã chọn con đường Cách mạng vô sản vì nó chỉ cho Người con đường tự giải phóng.
- Tháng 12-1920, tại Đại hội của Đảng xã hội Pháp họp ở Tua, Lãnh tụ bỏ phiếu tán thành việc thành lập Đảng Cộng sản Pháp, gia nhập Quốc tế cộng sản của Lenin. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt lớn trên con đường Cách mạng của Người; từ yêu nước chưa có khuynh hướng rõ ràng, Người đã đến với chủ nghĩa cộng sản, trở thành một chiến sĩ quốc tế vô sản.
- Từ đó, bên cạnh việc thực hiện trách nhiệm với phong trào Cộng sản thế giới, Lãnh tụ tích cực tìm hiểu chủ nghĩa Marx-Lenin, vận dụng xây dựng đường lối Cách mạng Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Về tổ chức như sau:
Cuối năm 1924, sau quá trình học tập, rèn luyện trực tiếp tại quốc tế cộng sản, Lãnh tụ đã từ Liên Xô về Quảng Châu – Trung Quốc hoạt động cách mạng. Tháng 6-1925, Lãnh tụ lập ra hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nòng cốt là cộng sản Đoàn, ra báo Thanh niên làm cơ sở ngôn luận của Hội. Hội có ba vai trò là:
 1. Mở lớp đào tạo cán bộ lãnh đạo Cách mạng, cử cán bộ sang học tại Quốc tế cộng sản, đưa cán bộ về nước hoạt động.
 2. Truyền bá chủ nghĩa Marx-Lenin, đường lối Cách mạng Việt Nam về nước, hướng chính là phong trào "vô sản hóa" năm 1928-1929.
 3. Chuẩn bị mọi mặt cho việc tiến tới thành lập Đảng Cộng sản.

Dưới sự lãnh đạo của Hội, Chủ nghĩa Marx-Lenin là con đường giải phóng dân tộc của Lãnh tụ được truyền bá sâu rộng trong cả nước, dẫn tới sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở nước ta cuối 1929, đầu 1930: Đảng Cộng sản Đông Dương, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Tuy nhiên ba tổ chức cộng sản này mất đoàn kết, gây bất lợi cho phong trào chung. Lãnh tụ đã từ Thái Lan về Trung Quốc lấy tư cách là người đại diện cho Quốc tế cộng sản phụ trách vấn đề cộng sản phương Đông triệu tập hội nghị hợp nhất.

Hội nghị diễn ra từ 3 đến 7-2-1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc, thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, chủ trương và đường lối tóm tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Marx-Lenin, phong trào công nhân và phong trào yêu

nước ở nước ta, là kết quả quá trình chuẩn bị công phu, khoa học của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về tư tưởng chính trị và tổ chức.

Đảng ra đời đánh dấu bước chuyển phong trào đấu tranh từ tự phát sang phong trào tự giác của giai cấp công nhân Việt Nam, chứng tỏ công nhân đã trưởng thành đủ sức lãnh đạo Cách mạng Việt Nam. Đảng ra đời, Cách mạng Việt Nam có ự thống nhất về tổ chức lãnh đạo cách mạng, đưa Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, Đảng là nhân tố cơ bản nhất đưa Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

1.2 Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 2-1930

1. Hoàn cảnh ra đời: Từ năm 1927, dưới sự hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong việc truyền bá Chủ nghĩa Marx-Lenin và con đường giải phóng dân tộc theo Chủ nghĩa Marx-Lenin của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Cách mạng Việt Nam phát triển theo con đường Cách mạng Vô sản, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức Cộng sản ở nước ta cuối năm 1929 đầu 1930 là: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn. Nhưng ba tổ chức này hoạt động riêng rẽ, mất đoàn kết gây bất lợi chung cho cách mạng cả nước. Trước tình hình này, Lãnh tụ đã từ Thái Lan về Trung Quốc lấy tư cách là người đại diện cho Quốc tế cộng sản phụ trách vấn đề Cộng sản phương Đông, triệu tập hội nghị hợp nhất, Hội nghị diễn ra từ 3 đến 7-2-1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc, thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, chương trình và điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Những văn kiện này được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
2. Nội dung: Đường lối chiến lược Cách mạng Việt Nam: tiến hành Tư sản Dân quyền Cách mạng và thổ địa Cách mạng, đi đến Xã hội Cộng sản, Tư sản Dân quyền cách mạng là cuộc Cách mạng tư sản kiểu mới do giai cấp công nhân lãnh đạo, mục đích là giành độc lập và tiến tới xây dựng Chủ nghĩa xã hội (Chủ nghĩa Cộng sản). Ở đây thể hiện rõ hai cuộc vận động cách mạng gắn bó chặt chẽ liên tục là Cách mạng giải phóng dân tộc và Cách mạng giải phóng giai cấp, giải phóng con người, giải phóng toàn xã hội.
 - Nhiệm vụ của Cách mạng tư sản dân quyền: chống đế quốc, chống phong kiến giành độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày, dựng ra chính phủ do công nông bình, tịch thu tài sản lớn của đế quốc Việt gian,... thực hiện nam nữ bình quyền, ngày làm 8 giờ,... Những nhiệm vụ trên bao gồm cả ba vấn đề dân tộc, dân chủ và Chủ nghĩa xã hội, nhưng nổi bật lên là tư tưởng chống đế quốc giải phóng dân tộc.
 - Lực lượng Cách mạng: công nông là gốc của Cách mạng, tri thức học trò là bầu ban Cách mạng,... đối với những người chưa rõ mặt phản Cách mạng như phú nông, trung hoặc tiểu địa chủ,... thì phải ra sức thu phục hoặc trung lập họ,... Tóm lại tư tưởng đại đoàn kết dân tộc là điểm nổi bật về xác định lực lượng Cách mạng của lãnh tụ.
 - Phương pháp Cách mạng: Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam phải tiến hành bằng bạo lực cách mạng, không thỏa hiệp.
 - Vai trò lãnh đạo của Đảng: cách mạng phải có Đảng Cộng sản lãnh đạo, Đảng phải có đường lối đúng đắn, có tổ chức mạnh, liên hệ mật thiết với nhân dân, được nhân dân ủng hộ,... đó là Đảng được xây dựng theo học thuyết Marx-Lenin.
 - Quan hệ cách mạng Việt Nam và thế giới: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của Cách mạng vô sản thế giới nên Cách mạng vô sản phải liên hệ mật thiết, tranh thủ sự ủng hộ từ thế giới đồng thời phải ra sức đóng góp sức mình vào phong trào chung.
3. Ý nghĩa của cương lĩnh chính trị đầu tiên
 - Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng tuy ngắn gọn nhưng đã phản ánh được đầy đủ quan điểm, mục đích, mục tiêu, hành động của Đảng là vì độc lập dân tộc, xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp ở nước ta là Xã hội chủ nghĩa.
 - Cương lĩnh chính trị phản ánh được nguyện vọng chân chính của nhân dân nên được nhân dân đón nhận, hăng hái thực hiện, sớm tạo ra được làn sóng cách mạng mạnh mẽ. Cương lĩnh được coi là hòn đá tảng có định hướng cho cách mạng vận hành, phát triển trong suốt quá trình lịch sử Cách mạng Việt Nam.

1.3 Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng qua ba Hội nghị Trung Ương VI (11-1939), VII (11-1940) và VIII (5-1941)?

1. Hoàn cảnh lịch sử:
 - Tháng 9-1939, chiến tranh Thế giới thứ II bùng nổ, chính phủ Pháp tham chiến đã thực thi chính sách tổng động viên thời chiến trong nước và thuộc địa. Việt Nam là thuộc địa của Pháp nên chịu hậu quả nặng nề bởi chính sách này:

- Chính trị, quân sự: tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương, đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật, đàn áp Đảng, bắt, tù, giết hại đảng viên, quần chúng yêu nước, bắt hơn bảy vạn thanh niên Việt Nam sang Pháp làm lá chắn trong cuộc chiến với quân Đức.
- Kinh tế: thực hiện trưng thu lực lượng giá rẻ, liên tục tăng thuế, tăng giờ làm, biến xưởng công nghiệp thành xưởng quân dụng quốc phòng.
- Văn hóa: đẩy mạnh tuyên truyền tư tưởng bảo vệ, hi sinh vì nước mẹ Pháp,...
- Những chính sách trên của thực dân Pháp làm cho mâu thuẫn toàn thể dân tộc ta với Pháp nổi lên gay gắt hơn bao giờ hết, đòi hỏi phải được giải quyết. Đường lối giương cao ngọn cờ đầu dân chủ không phù hợp, đặt ra yêu cầu Đảng phải điều chỉnh đường lối cách mạng phù hợp bối cảnh nước sôi, lửa bỏng này.

2. Chủ trương chỉ đạo chiến lược cách mạng:

- Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu: Trung ương Đảng khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là chống đế quốc, chống phong kiến giành độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho nhân dân không thay đổi, nhưng đặt nhiệm vụ chống đế quốc giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Bởi lúc này nếu không giải quyết được vấn đề giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi hỏi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp vạn năm cũng không đòi lại được. Do đó, tạm gác lại khẩu hiệu "Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày" bằng khẩu hiệu "Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo".
- Thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc. Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh thay cho Mặt trận phản đế Đông Dương, để tập hợp lực lượng cách mạng đông đảo trong cả nước không phân biệt giàu nghèo, trai gái, giai cấp, tôn giáo,... trong một mặt trận thống nhất rộng rãi đăng cấu Tổ quốc, cứu giống nòi. Từ đó, đổi tên hội phản đế thành hội cứu quốc – Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc,...
- Xúc tiến chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa làm nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện tại:
 - Phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng bao gồm lực lượng chính trị và vũ trang.
 - Xúc tiến xây dựng căn cứ cách mạng (Cao Bằng, Bắc Cạn,...)
 - Phương châm khởi nghĩa là đi từ khởi nghĩa từng phần trong địa phương, mở đường cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước.

3. Ý nghĩa: Qua ba Hội nghị Trung ương Đảng, chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng nhằm mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc đã hoàn chỉnh, thể hiện tính đúng đắn đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Chủ trương này tập hợp được rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước trong mặt trận Việt Minh, xây dựng được lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị,... là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.

1.4 Hoàn cảnh, nội dung chỉ thị "kháng chiến, kiến quốc" của Trung ương Đảng 25-11-1945?

1. Hoàn cảnh Việt Nam sau Cách mạng tháng 8-1945:

- Thuận lợi:
 - Cách mạng tháng 8-1945 mang lại độc lập cho dân tộc, chính quyền cách mạng cho nhân dân. Đảng Cộng sản trở thành Đảng nắm chính quyền trên cả nước.
 - Nhân dân đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Hồ chủ tịch.
 - Trên thế giới, phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đi lên Chủ nghĩa xã hội, phong trào vì hòa bình tiến bộ phát triển mạnh mẽ tạo thành những làn sóng cách mạng tấn công Chủ nghĩa đế quốc...
- Khó khăn:
 - Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng kéo vào nước ta với danh nghĩa quân Đồng minh tước vũ khí quân Nhật, nhưng âm mưu lật đổ chính phủ ta, lập chính phủ tay sai cho chúng. Theo chân quân Tưởng là hai tổ chức phản động Việt Quốc, Việt Cách.
 - Ở miền Nam, quân Anh cũng vào nước ta với danh nghĩa quân Đồng minh tước vũ khí phát xít Nhật, đã hỗ trợ cho quân Pháp quay lại nước ta lần thứ hai.
 - Nước ta còn hơn sáu vạn quân Nhật, một bộ phận được quân Anh sử dụng chống phá cách mạng nước ta, hỗ trợ cho Pháp đánh chiếm Nam Bộ.

- Các tổ chức phản động trong nước cũng dựa vào quân đội nước ngoài nổi lên chống phá Chính quyền cách mạng.
- Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa chưa được nước nào trên thế giới công nhận, đặt quan hệ ngoại giao,...
- Lực lượng vũ trang bị thiếu thốn, kinh nghiệm chiến đấu ít,...
- Kinh tế đất nước tiêu diệt, kiệt quệ, nạn đói, dịch bệnh hoành hành,...
- Trình độ dân trí thấp, hơn 90% khó khăn chồng chất khó khăn đặt Chính quyền cách mạng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Đảng và Hồ chủ tịch đã nhanh chóng bắt tay vào tổ chức, kiến thiết đất nước, đường lối này thể hiện trong chỉ thị "kháng chiến, kiến quốc" ngày 25-11-1945.

2. Nội dung (Bốn ý):

- Xác định tính chất cách mạng Đông Dương: là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng, vì cuộc cách mạng này chưa hoàn thành, nước ta chưa hoàn toàn độc lập. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là "dân tộc là trên hết", "Tổ quốc là trên hết".
- Xác định được kẻ thù chính: qua phân tích âm mưu, hành động của từng kẻ thù với chính quyền cách mạng, Đảng xác định thực dân Pháp là kẻ thù chính vì:
 - Pháp từng xâm lược, thống trị Đông Dương hơn 80 năm qua, luôn luôn khẳng định Đông Dương là thuộc địa của Pháp.
 - Pháp được Anh, Mỹ giúp sức quay lại xâm lược Đông Dương lần thứ 2.
 - Trên thực tế đã nổ súng xâm lược Nam Bộ ngày 23-9-1945. Do đó ta phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào thực dân Pháp xâm lược.
- Xác định bốn nhiệm vụ cấp bách:
 - Củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng (đây là nhiệm vụ bao trùm, nặng nề nhất).
 - Chống thực dân Pháp xâm lược.
 - Bài trừ nội phản.
 - Cải thiện đời sống nhân dân.
- Đề ra các biện pháp để thực hiện:
 - Chính trị: mở rộng đoàn kết toàn dân, xúc tiến tổng tuyển cử bầu quốc hội, thành lập chính phủ hình thức, ban hành Hiến pháp,...
 - Kinh tế: đẩy mạnh thực hiện tiết kiệm, nhường cơm sẻ áo, diệt giặc đói, từng bước xây dựng cơ sở vật chất cho chế độ mới.
 - Ngoại giao: kiên trì nguyên tắc bình đẳng tương trợ, thêm bạn bớt thù,...
 - Văn hóa: đẩy mạnh phong trào dạy và học, diệt giặc dốt, xây dựng nền văn hóa mới tính theo tinh thần "dân tộc, khoa học, đại chúng".

3. Ý nghĩa:

- Chỉ thị Kháng chiến, kiến quốc của Trung ương Đảng đã phân tích đúng tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám 1945, chỉ rõ được thực dân Pháp là kẻ thù chính, nên kịp thời có những điều chỉnh đúng đắn về chiến lược, sách lược cách mạng. Chỉ thị là ngọn cờ đoàn kết Đảng, dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị cho kháng chiến chống thực dân Pháp lâu dài sau này.
- Chỉ thị phản ánh quy luật lớn của cách mạng nước ta: giành chính quyền phải gắn liền với giữ vững chính quyền. Quy luật này xuất phát từ vị trí, tính chất của cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo trong bối cảnh thế giới và Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ II, đồng thời xuất phát từ truyền thống dân tộc dựng nước gắn liền với giữ nước.

1.5 Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946-1954?

1. Hoàn cảnh (lý do bùng nổ kháng chiến)

- Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Đảng và nhân dân ta hăng hái bắt tay vào xây dựng chế độ mới, kiến thiết đất nước, thực hiện quan hệ ngoại giao hòa bình thân thiện với các nước vì hòa bình, dân chủ tiến bộ,.... Đặc biệt, ta đã thực hiện nhân nhượng với quân Tưởng (kinh tế, chính trị, quân sự,...) với Pháp bằng Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946 để tránh xung đột quân sự, chiến tranh.

- Phía Pháp, với quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa đã liên tục bội ước, vừa mở rộng xâm lược Nam Bộ, và ngay khi ra Bắc Bộ đã gây hấn đánh chiếm Hải Phòng, Hải Dương,... gây thảm sát ở Hà Nội, đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, gửi tới thư yêu cầu trao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng, chậm nhất vào 20-12-1946, Việt Nam không thực hiện Pháp sẽ nổ súng hành động.
- Mọi cơ hội khả năng hòa bình không còn, nhân nhượng tiếp là mất nước, chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng, nhân dân đã đứng lên tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ bảo vệ độc lập dân tộc.

2. Nội dung:

- Cơ sở đường lối:
 - Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh.
 - Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng.
 - Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh xuất bản năm 1947.
- Mục đích, tính chất cuộc kháng chiến: tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.
- Phương châm: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính:
 - Toàn dân: có nghĩa là toàn dân đánh giặc như lời kêu gọi tổ quốc kháng chiến của Hồ chủ tịch – hỡi đồng bào toàn quốc, bất kể đàn ông, đàn bà, bất kể người già người trẻ, không phân biệt gái trai, giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo,... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh Pháp,... Phương châm này xuất phát từ bối cảnh Việt Nam là nước nhỏ, chính quyền cách mạng mới thành lập. Mục đích là tạo sức mạnh cho toàn dân tộc kháng chiến.
 - Toàn diện: là đánh địch kháng chiến trên mọi mặt.
 Chính trị, ngoại giao: đề cao tính chính nghĩa dân tộc, kêu gọi đoàn kết dân tộc đồng lòng chống Pháp, kêu gọi tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Vạch mặt hành động chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.
 Quân sự: đẩy mạnh chiến tranh du kích, kìm hãm làm thất bại lối đánh chính quy của địch.
 Kinh tế: xây dựng kinh tế, đảm bảo tự cấp tự túc về lương thực cho kháng chiến, đồng thời phá hoại kinh tế địch, biến kinh tế địch thành kinh tế của ta.
 Văn hóa: đẩy mạnh văn hóa cứu quốc, văn sĩ dùng ngòi bút, lời thơ kháng chiến, đoàn kết tinh thần dân tộc,... chống lại văn hóa, nền giáo dục ngu dân của Pháp ở vùng tạm chiến,... Phương châm toàn diện tạo sức mạnh tổng hợp cho dân tộc trong kháng chiến.
 - Lâu dài: do tương quan lực lượng giữa ta và Pháp ở giai đoạn đầu cuộc kháng chiến:
 Pháp mạnh về vật chất, phương tiện chiến tranh hiện đại,... yếu về tính phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược.
 Việt Nam mạnh về tinh thần yêu nước, yếu về vật chất, phương tiện chiến tranh,...
 Nên Pháp muốn đánh nhanh thắng nhanh. Đánh lâu dài vừa đánh vừa xây dựng lực lượng, tạo dần sự chuyển hóa tương quan lực lượng đến khi lực lượng của ta mạnh mẽ chủ động tiến công quy mô lớn buộc địch vào thế thua phải ngồi vào đàm phán kết thúc chiến tranh.
 - Dựa vào sức mình là chính: do Việt Nam chưa được nước nào trên thế giới công nhận đặt quan hệ ngoại giao,... Nên Đảng xác định dựa vào sức mạnh nội tại trong kháng chiến. Phương châm này cho ta tính chủ động trong tổ chức kháng chiến. Bên cạnh đó, ta cũng luôn ý thức, tranh thủ sự ủng hộ của thế giới,...

3. Ý nghĩa:

- Đường lối kháng chiến chống Pháp 1946-1954 của Đảng kế thừa truyền thống đánh giặc của cha ông ta trong lịch sử, đồng thời từ sự phân tích đúng đắn khoa học thế trận giữa ta và Pháp, nên đường lối kháng chiến là sự chuẩn mực của trí tuệ và tính thực tế cao.
- Đường lối kháng chiến toàn dân toàn diện,... là nguyên nhân căn bản có tính định hướng cho cuộc kháng chiến toàn quốc của ta thắng lợi.

1.6 Nước ta sau năm 1954, đường lối chiến lược Cách mạng Việt Nam do Đại hội III (9-1960) của Đảng đề ra?

1. Hoàn cảnh:

- Bằng thắng lợi quân sự ở Điện Biên Phủ và thắng lợi trên bàn đàm phán ngoại giao ở hội nghị Giơ-ne-vơ (20-7-1954) cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta thắng lợi toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút quân viễn chinh của Pháp về nước, miền Bắc Việt Nam được giải phóng.

- Ở miền Nam, lợi dụng sự thất bại của Pháp, Mỹ nhảy vào hất cẳng Pháp lập ra chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, Mỹ-Diệm ra sức phá hoại việc thi hành lập hiệp định Giơ-ne-vơ, đàn áp cách mạng miền Nam hòng tiêu diệt phong trào cách mạng của nhân dân ta, thông tính miền Nam biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau và đang đứng trước nguy cơ bị chia cắt lâu dài trước âm mưu và hành động xâm lược, bán nước của Mỹ-Ngụy. Trước tình hình trên, tháng 9-1960, Đảng triệu tập Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III tại Hà Nội nhằm đưa ra những quyết định mới về chiến lược cách mạng nhằm thống nhất đất nước.

2. Nội dung:

- Xác định đường lối chiến lược cách mạng chung của cả nước: tăng cường đoàn kết phong trào toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh Cách mạng xã hội ở miền Bắc đồng thời đẩy mạnh Cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước dựa trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất dân chủ và giàu mạnh góp phần tăng cường phẩm chất Xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.
- Xác định đường lối chiến lược cách mạng từng miền:
Miền Bắc: tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa.
Miền Nam: tiến hành Cách mạng dân tộc, dân chủ.
 - Nhiệm vụ, vị trí, vai trò của Cách mạng xã hội chủ nghĩa miền Bắc: miền Bắc hòa bình nhưng bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đời sống nhân dân gặp khó khăn,... nên miền Bắc tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân, xây dựng tiền đề vật chất ban đầu cho cách mạng xã hội, chi viện sức người sức của cho nhân dân miền Nam đánh đuổi Mỹ, Ngụy.
 - Nhiệm vụ vị trí, vai trò của Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam bị đế quốc Mỹ và chính quyền Ngụy xâm lược, chia cắt nhằm thiết lập thuộc địa kiểu mới của chúng lên Đảng bộ, nhân dân miền Nam phải trực tiếp cầm vũ khí đánh đuổi Mỹ-Ngụy, tạo thành bức thành đồng vững chắc bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
Do đó Cách mạng dân tộc, dân chủ miền Nam có vai trò rất quan trọng, nó quyết định trực tiếp tới sự nghiệp giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trên cả nước.
- Quan hệ của hai chiến lược cách mạng: hai chiến lược cách mạng nói trên có quan hệ thúc đẩy nhau phát triển vì:
 - Hai chiến lược được tiến hành đồng thời trên hai miền đất nước được thống nhất từ lâu trong lịch sử dân tộc.
 - Hai chiến lược cách mạng do một Đảng duy nhất lãnh đạo – Đảng lao động Việt Nam.
 - Hai chiến lược cách mạng có chung một mục tiêu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Đại hội xác định Cách mạng Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ sẽ lâu dài, gian khổ, mất mát lớn nhưng nhất định nhân dân ta sẽ thắng lợi, đất nước thống nhất.

1.7 Quan điểm về công nghiệp hóa – hiện đại hóa của Đảng hiện nay?

Khái niệm công nghiệp hóa – hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi kinh tế căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến lao động và tiến bộ khoa học – công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Năm quan điểm:

1. Công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa, công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường.
2. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.
3. Lấy phát huy nguồn nhân lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.
4. Khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa – hiện đại hóa.
5. Phát triển nhanh và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Phân tích quan điểm 1 và 3:

Quan điểm 1 Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa vì khoa học công nghệ có bước nhảy vọt trong thời đại ngày nay, tác động sâu rộng tới các lĩnh vực đời sống xã hội. Và xác định hiện đại hóa rõ nét sẽ là định hướng để thực hiện công nghiệp hóa một cách hệ thống, đồng bộ, công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa sẽ giúp cho công nghiệp hóa rút ngắn thời gian, hiệu quả cao.

Công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức vì nước ta thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa khi trên thế giới kinh tế tri thức đã phát triển. Chúng ta có thể không trải qua các bước phát triển tuần tự từ kinh tế nông nghiệp lên kinh tế công nghiệp rồi mới phát triển kinh tế tri thức. Đó là lợi của các nước đi sau, không phải nóng vội. Do đó Đại hội X của Đảng chỉ rõ: phát triển kinh tế tri thức coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn bó với bảo vệ tài nguyên môi trường vì đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa sẽ kéo theo hàng loạt vấn đề mặt trái như chất thải công nghiệp, bụi, không khí ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt,... Do đó, công nghiệp hóa – hiện đại hóa phải gắn liền với giải quyết các tồn tại trên thì công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước mới bền vững, cuộc sống con người mới đảm bảo.

Quan điểm 3 Lấy phát huy nguồn nhân lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Trong các yếu tố tham gia vào quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa và trong năm yếu tố chủ yếu để tăng cường kinh tế vốn là khoa học công nghệ, con người, cơ cấu kinh tế, thể chế chính trị, quản lý đất nước, thì con người luôn được coi là yếu tố cơ bản, quyết định vì suy cho cùng con người cho công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước cần đặc biệt quan tâm đến phát triển giáo dục đào tạo, công nghiệp hóa – hiện đại hóa là sự nghiệp toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật, đội ngũ công nhân lành nghề giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa – hiện đại hóa đòi hỏi phải đủ số lượng, cân đối về cơ cấu và trình độ, có khả năng nắm bắt sử dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới và có khả năng sáng tạo công nghệ mới. Xác định tầm quan trọng của nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ cơ cấu lại nền kinh tế,... đảm bảo cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững.

1.8 Nội dung cơ bản định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường do Đại hội X của Đảng (4-2006) đề ra?

- Đại hội IX của Đảng (4-2001) xác định nền kinh tế trên thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên các nguyên tắc và bản chất xã hội chủ nghĩa.
- Đại hội X (2006) và XI (2011) làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế tri thức ở nước, thể hiện ở bốn tiêu chí:
 - Về mục đích phát triển: mục tiêu của kinh tế tri thức định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta nhằm thực hiện "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo. Mục tiêu trên thể hiện rõ mục đích phát triển kinh tế về con người, giải phóng lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế nâng cao đời sống cho mọi người. Điều này thể hiện sự khác biệt với mục đích tất cả vì lợi nhuận, phục vụ lợi ích nhà tư bản, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa tư bản.
 - Về phương hướng phát triển: phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi năng lực tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, trong mỗi cá nhân và trong mỗi vùng miền,... phát huy tối đa nội lực để phát triển nhanh nền kinh tế. Trong các thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết kinh tế, định hướng cho sự phát triển vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Để giữ vai trò chủ đạo: kinh tế nhà nước phải nắm bắt được các vị trí then chốt của nền kinh tế bằng khoa học, công nghệ tiên tiến chứ không phải dựa trên bao cấp, hay độc quyền kinh doanh. Mặt khác, nền kinh tế phải dựa trên nền tảng của sở hữu toàn dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
 - Về định hướng xã hội và phân phối: thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ngay trong từng chính sách phát triển tăng trưởng kinh tế chặt chẽ với phát triển xã hội, văn hóa, giáo dục, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hạn chế tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Trong lĩnh vực phân phối, định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, an sinh xã hội,...
 - Về quản lý: phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, đảm bảo vai trò quản lý, điều tiết kinh tế của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiêu chí này nhằm phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, đảm bảo lợi ích chính đáng của mọi người.

1.9 Mục tiêu và quan điểm cơ bản của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới

- Mục tiêu: mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực của nhân dân.
- Quan điểm (bốn quan điểm):
 - Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới chính trị, lấy đổi mới nền kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới chính trị.
 - Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hiệu quả hơn, phù hợp hơn với đường lối đổi mới toàn diện đất nước; đặc biệt phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
 - Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
 - Đổi mới hệ thống chính trị giữa các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều của cả hệ thống để thúc đẩy xã hội phát triển.

1.10 Chủ trương của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đảng, Nhà nước ta xây dựng là sự khẳng định và thừa nhận Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử. Nó không phải là sản phẩm riêng của xã hội tư bản mà là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của xã hội loài người, của nền văn minh nhân loại. Việt Nam cần tiếp thu (Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước mà là cách tổ chức phân công quyền lực nhà nước).
- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Đảng xác định xây dựng theo năm điểm sau:
 - Đó là nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
 - Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.
 - Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và đảm bảo cho Hiến pháp, pháp luật giữ vai trò tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
 - Nhà nước tôn trọng và đảm bảo quyền con người, quyền công dân: nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa các Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương kỷ luật.
 - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, có sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của mặt trận.

1.11 Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam của Đảng

- Trước hết cần hiểu khái niệm văn hóa. Văn hóa Việt Nam là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong quá trình dựng nước, giữ nước.
- Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển văn hóa:
 - Quan điểm 1: văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế.
 - Quan điểm 2: văn hóa mà chúng ta xác định là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ với những cốt lõi độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, theo chủ nghĩa Marx, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu tất cả vì con người.
Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị văn hóa truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước. Đó là lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái, khoan dung. Bản sắc dân tộc và tổng thể những phẩm chất tính cách, sức sống bên trong của dân tộc, giúp cho dân tộc đó giữ vững được tính chất nhất quán trong quá trình phát triển.
Bản sắc dân tộc và tổng thể hiện trong tất cả các lĩnh vực đời sống sinh hoạt, cách tư duy cách sống tạo thành hệ giá trị của dân tộc. Việt Nam chủ trương xây dựng và hoàn thiện các giá trị và nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng kinh tế chính trị hướng xã hội chủ nghĩa.
Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ta chủ trương vừa bảo vệ dân tộc vừa giao lưu tiếp thu

tin hoa nhân loại. Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu giao hữu quốc tế, tiếp thu chọn lọc cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa dân tộc khác để bắt kịp sự phát triển của thời đại, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với những cái lạc hậu, lỗi thời trong phong tục tập quán của dân tộc.

- Quan điểm 3: nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Quan điểm 4: xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước. Đội ngũ trí thức nước ta đông đảo, gắn bó với nhân dân, giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp này. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý.
- Quan điểm 5: giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu. Đảng xác định: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội. Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp,... củng cố quốc phòng an ninh. Thực hiện quốc sách này, chúng ta chủ trương:
 - * Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, nội dung, phương pháp dạy, bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lý tưởng sống, bản lĩnh sáng tạo của người Việt Nam.
 - * Chuyển đổi mô hình cơ cấu hiện nay sang mô hình giáo dục mở, đào tạo liên tục, liên thông giữa các ngành, bậc học,... đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục.
 - * Đổi mới mạnh mẽ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.
 - * Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học,...
 - * Thực hiện xã hội giáo dục,...
 - * Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.
- Quan điểm 6: Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài. Đời hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Văn hóa theo nghĩa rộng thì bao gồm cả giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Văn hóa là một mặt trận như chính trị, kinh tế,... nên xây dựng, bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc là sự nghiệp của toàn dân, lâu dài. Làm cho văn hóa thấm sâu vào cuộc sống toàn xã hội, của mỗi người, trở thành tâm lý và tập quán tiên bộ, văn minh là một quy trình đầy khó khăn, đòi hỏi mỗi người dân phải tự ý thức trách nhiệm. Trong công cuộc đó, cái tiến bộ, cái lạc hậu, cái xấu xen kẽ, nên "xây" phải đi đôi với "chống", lấy "xây" làm chính. Cùng với giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc cần tiếp thu tinh hoa thế giới, sáng tạo, vun đắp nên những giá trị mới,... mặt khác phải đề cao cảnh giác chống lại mọi âm mưu lợi dụng văn hóa để thực hiện "diễn biến hòa bình".

1.12 Quan điểm của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội?

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội.
Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến các mục tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội có liên quan trực tiếp, phải tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa chính xác kinh tế và chính sách xã hội, vấn đề này phải được thực hiện ở các cấp, các ngành, trung ương đến địa phương.
- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng cường kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách.
Trong từng chính sách phát triển của đất nước, cần đặt rõ việc tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội. Nhiệm vụ gắn kết này phải được pháp chế hóa thành các thể chế có tính cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thi hành.
- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.
Chính sách xã hội có tính độc lập tương đối so với kinh tế, nhưng không tách rời trình độ phát triển kinh tế. Chính sách xã hội phải gắn bó giữa quyền lợi – nghĩa vụ, cống hiến – hưởng thụ, xóa bỏ dứt điểm bao cấp, cơ chế xin cho trong chính sách xã hội.
- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người HDI và chỉ tiêu phát triển các nguồn lực xã hội.
Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển là vì con người, vì một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1.13 Chủ trương chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng

Trước hết cần nắm được mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại là: lấy việc giữ môi trường hòa bình, ổn định, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới để phát triển kinh tế xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Mở rộng đối ngoại, hội nhập quốc tế là để tạo thêm nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, kết hợp nội lực với nguồn lực bên ngoài tạo thêm nguồn lực tổng hợp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, phát huy vai trò nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chủ trương chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng:

- Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định bền vững. Hội nhập đầy đủ, sâu vào nền kinh tế thế giới, nước ta sẽ có địa vị bình đẳng với các thành phần khác khi tham gia vào hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, có điều kiện thuận lợi để bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình thích hợp. Điều quan trọng nhất là Việt Nam cần tận dụng các ưu đãi mà WTO dành cho các nước đang phát triển, chủ động, tích cực nhưng phải mở theo lộ trình hợp lý.
- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với nguyên tắc quy định của WTO. Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, phát triển nhiều thành phần kinh tế, phát triển và hoàn thiện các loại thị trường.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hiệu lực của bộ máy nhà nước. Kiên quyết loại bỏ những thủ tục hành chính không còn phù hợp, đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm về kiểm tra, minh bạch chính sách.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao năng lực điều hành của chính phủ, tích cực thu hút vốn đầu tư nước ngoài để nâng cao sức cạnh tranh nền kinh tế, các doanh nghiệp điều chỉnh quy mô, cơ cấu sản xuất giữa sản phẩm – thị trường.
- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội, và môi trường hội nhập. Phát huy tốt văn hóa dân tộc trong hội nhập, chọn lọc tinh hoa, văn hóa thế giới, có chế tài xử lý văn hóa xấu.
- Xây dựng và vận hành hiệu quả mạng lưới an ninh xã hội như giáo dục, bảo hiểm, y tế, đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo.
- Giữ vững và tăng cường quốc phòng an ninh trong quá trình hội nhập. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, có phương hướng chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao cải cách nhà nước, ngoại giao cần nhân dân, chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại. Các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương cần hướng vào việc phục vụ đắc lực nhiệm vụ mở rộng kinh tế đối ngoại, vì một hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế bình đẳng, công bằng, cùng có lợi.
- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại. Xây dựng cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp, đẩy mạnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa – trọng tâm là cải cách hành chính.

2 Vài lời không thể viết ra!